

Những tháo gỡ ban đầu về khả năng tiếp cận hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

PHẠM NGỌC LINH

*D*oanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) chiếm khoảng 95% tổng số các doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam, song phần lớn các DNNVV đang gặp khó khăn, nhất là trong vấn đề tiếp cận các nguồn vốn. Thời gian qua, tuy hành lang pháp lý, môi trường kinh doanh đã được cải thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển đa dạng của các DNNVV trong tình hình khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới vẫn còn tác động đến nền kinh tế Việt Nam. Tác giả bài viết đề cập một số giải pháp về chính sách giúp các DNNVV tiếp cận nguồn tín dụng chính thức dễ dàng hơn, nhằm phát huy hiệu quả, sức cạnh tranh cũng như tiềm năng của khu vực này.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, đến thời điểm 31-12-2006 số lượng các doanh nghiệp thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc các ngành kinh tế (không bao gồm hợp tác xã nông, lâm, ngư và hộ kinh doanh cá thể) là 131.322 doanh nghiệp, trong đó có 127.600 DNNVV - xét theo tiêu chí lao động, chiếm 97,2% tổng số doanh nghiệp, hoặc 114.790 doanh nghiệp - xét theo tiêu chí vốn, chiếm 87,4% tổng số doanh nghiệp. Cũng theo đánh giá của Tổng cục Thống kê, từ năm 2000 đến năm 2006, các doanh nghiệp dân doanh (khu vực doanh nghiệp dân doanh chiếm hơn 95,5% tổng số các DNNVV - xét theo quy mô lao động, và hơn 97,9% tổng số các DNNVV - xét theo quy mô vốn) đã đóng góp hơn 40% GDP và 29% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, đóng góp khoảng 14,8% tổng thu ngân sách nhà nước. Có thể nói, DNNVV là một bộ phận quan trọng, tạo động lực phát triển kinh tế của đất nước. Khu vực này luôn có tốc độ tăng trưởng lớn hơn tốc độ tăng trưởng GDP và tốc độ tăng trưởng của các khu vực kinh tế khác, đồng thời góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (chủ yếu hoạt động trên lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ).

Xác định được tầm quan trọng của các DNNVV, Chính phủ đã có nhiều chính sách, giải pháp quan trọng nhằm phát huy hiệu quả, sức cạnh tranh cũng như tiềm năng của

khu vực này. Hệ thống pháp luật, môi trường kinh doanh đang dần được cải thiện. Các DNNVV đang ngày càng được hưởng nhiều chính sách ưu đãi và bình đẳng hơn, tình trạng phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp dân doanh và doanh nghiệp nhà nước đã giảm nhiều. Tuy nhiên, theo đánh giá của các chuyên gia, hành lang pháp lý, môi trường kinh doanh hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, đa dạng của các DNNVV. Đặc biệt, trong vấn đề tiếp cận các nguồn vốn, các DNNVV còn gặp nhiều khó khăn, nhất là các khoản vay trung và dài hạn từ các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.

1. Khó khăn của DNNVV trong tiếp cận hỗ trợ tín dụng

Theo số liệu điều tra của Cục Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến hành cuối năm 2005: có tới 66,95% doanh nghiệp cho biết thường gặp khó khăn về vốn tài chính, trong khi chỉ có 50,62% doanh nghiệp khó khăn về mở rộng thị trường. Hoạch theo điều tra của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương năm 2005, các DNNVV thường tiếp cận các nguồn vốn từ các tổ chức phi tài chính, cụ thể là chủ yếu từ thân nhân và bạn bè chiếm tỷ trọng rất cao (80%), chỉ có khoảng 20% vay tín dụng từ ngân hàng và một

Phạm Ngọc Linh, TS., Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.

tỷ lệ rất nhỏ từ nguồn vốn nhà nước và nguồn khác¹. Nguồn vốn từ các tổ chức phi tài chính là một nguồn vốn an toàn, ít rủi ro nhưng khó đáp ứng được những nhu cầu vốn lớn, khó phục vụ được các dự án đầu tư lâu dài của doanh nghiệp và đôi khi doanh nghiệp phải trả lãi suất cao hơn nhiều lần so với lãi suất chính thức để phục vụ cho nhu cầu trước mắt và cấp bách của mình. Trong khi đó những yêu cầu về thủ tục, về tài sản thế chấp khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tiếp cận các khoản tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác. Nguyên nhân của tình trạng này là do các vấn đề còn tồn tại giữa doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng và sự tác động của cơ chế chính sách nhằm hỗ trợ khả năng tiếp cận tín dụng cho các DNNVV chưa được phát huy tốt. Khảo sát về thực tiễn hoạt động cho vay gần đây nhất của Công ty Tài chính quốc tế (IFC) và Hiệp hội ngân hàng Việt Nam cho thấy 93% các ngân hàng đều muốn nhận bất động sản làm tài sản thế chấp cho các khoản vay thương mại, trong khi đó phần lớn tài sản của các DNNVV là các động sản như hàng tồn kho và các khoản phải thu mà trị giá có thể lên tới hàng tỷ USD. Do vậy, các DNNVV có rất ít cơ hội để có thể tiếp cận được các nguồn vốn tín dụng từ các tổ chức tài chính.

2. Nhìn từ góc độ chính sách của Chính phủ

Nhìn từ góc độ chính sách, nói chung hoạt động trợ giúp phát triển DNNVV đều được các địa phương trên cả nước thực hiện tích cực. Ngoài các chính sách chung, đã có 39 tỉnh, thành thực hiện chương trình hỗ trợ trực tiếp doanh nghiệp về tài chính, đào tạo nguồn nhân lực, xúc tiến thương mại và trợ giúp kỹ thuật, công nghệ². Tuy nhiên hầu hết các doanh nghiệp cho rằng, sự hỗ trợ tốt nhất từ cơ quan quản lý nhà nước là tạo điều kiện dễ dàng hơn, ít tốn kém hơn cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận nguồn tín dụng từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng, sau đó mới đề cập đến các hỗ trợ khác.

Trước hết, Quỹ bảo lãnh tín dụng - cứu cánh cho tiếp cận vốn tín dụng của các

DNNVV- triển khai quá chậm. Nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ có chính sách hỗ trợ cho phát triển DNNVV rất tốt thông qua việc thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng, ví dụ như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan.... Mục đích ra đời và hoạt động của quỹ này là chia sẻ rủi ro với ngân hàng, hỗ trợ doanh nghiệp lập phương án sản xuất kinh doanh để doanh nghiệp vay vốn hoạt động chỉ có lãi mà không có lỗ. Làm được việc đó, các quốc gia này đã gắn kết rất tốt lợi ích của doanh nghiệp, ngân hàng và Nhà nước với nhau.

Ngày 23-11-2001, Chính phủ Việt Nam ban hành Nghị định 90/2001/NĐ-CP trợ giúp phát triển DNNVV. Ngay sau đó, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 193/TTg để thành lập, tổ chức và hoạt động cho Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV. Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 42/TT-BTC hướng dẫn về Quy chế thành lập tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV. Ngân hàng Nhà nước cũng ban hành Thông tư số 06/NHNN về việc góp vốn thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV của các tổ chức theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Mặc dù thông tư được ban hành kịp thời nhưng do một số quy định trong văn bản chưa phù hợp với thực tế, nên việc thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng không thể triển khai được. Để khắc phục những điểm vướng mắc, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 115/TTg sửa đổi bổ sung Quyết định số 193/TTg và theo quyết định mới thì vốn điều lệ, điều hành hoạt động của quỹ đã được quy định phù hợp hơn với tình hình thực tế. Theo đó, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cũng được chủ động, tự xem xét quyết định việc lựa chọn mô hình hoặc tổ chức đảm nhận việc điều hành Quỹ bảo lãnh tín dụng; đồng thời vẫn đảm bảo nguyên tắc tận dụng các điều kiện sẵn có về vật chất của các tổ chức tài chính địa phương. Để triển khai việc thành lập và hoạt động của quỹ, Bộ Tài chính đã ban hành Thông

1. Điều tra DNNVV- Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, 2005.

2. Tài liệu hội thảo "Trợ giúp phát triển DNNVV". Hà Nội ngày 4-4-2008.

tư 93 thay thế Thông tư số 42 hướng dẫn một số nội dung cụ thể, trong đó đưa ra các điều kiện thành lập, tổ chức điều hành quỹ và hướng dẫn chi tiết về quản lý tài chính, chế độ thông tin, báo cáo kiểm tra, tranh chấp, giải thể và tổ chức thực hiện.

Theo Quyết định 193/QĐ-TTg, vốn hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV được hình thành từ nguồn vốn cấp của ngân sách tỉnh, thành phố; vốn góp của các tổ chức tín dụng doanh nghiệp và các hiệp hội ngành nghề, các tổ chức đại diện và hỗ trợ cho các DNNVV; vốn tài trợ hợp pháp của các tổ chức và cá nhân, vốn bổ sung từ kết quả hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng. Tuy nhiên, ngân sách của hầu hết các địa phương đều rất hạn hẹp về nguồn thu, mà Luật Ngân sách nhà nước lại không có nguồn cho Quỹ bảo lãnh tín dụng. Trong khi đó, các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp lại không sẵn sàng góp vốn vì họ cho rằng Quỹ là một tổ chức tài chính hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, nên việc dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ (theo hướng dẫn Công văn 1070/NHNN-TD) để góp vốn là rất khó khăn. Mặt khác, quy định pháp lý hiện hành cũng còn nhiều bất cập. Quy chế thành lập quỹ chưa xác định rõ quyền lợi cũng như trách nhiệm của các tổ chức góp vốn thành lập quỹ, chưa có những quy định cụ thể về việc rút vốn, chuyển nhượng vốn góp của các tổ chức, cá nhân sau khi tham gia góp vốn vào Quỹ bảo lãnh tín dụng.

Như vậy, Quỹ bảo lãnh tín dụng được các doanh nghiệp đặt nhiều kỳ vọng vào khả năng khai thông nguồn vốn vẫn đang bị tắc, do một số quy định trong các văn bản chưa thật sự phù hợp với tình hình thực tế. Sau 7 năm ban hành, mới chỉ có 9 tỉnh thành lập được quỹ (Trà Vinh, Yên Bái, Đồng Tháp, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Vĩnh Phúc, Bình Thuận, Bắc Ninh, Hà Giang), trong đó mới chỉ có 3 quỹ đi vào hoạt động thí điểm, 6 quỹ còn lại đã được thành lập nhưng chưa đưa vào hoạt động được, do chưa huy động đủ số vốn theo quy định (30 tỷ đồng vốn điều lệ).

Thứ hai, thủ tục cho vay ưu đãi phức tạp và chưa minh bạch, các tổ chức tài chính

nước ngoài vào cuộc. Hiện nay, cơ chế cho vay ưu đãi đối với DNNVV được thực hiện theo Nghị định 106/2004/NĐ-CP của Chính phủ. Theo đó, các doanh nghiệp được cấp tín dụng ưu đãi khi đủ điều kiện nằm trong số 15 danh mục ngành nghề đầu tư. Cũng có nghĩa, chính sách ưu đãi đã khoanh vùng trong phạm vi hẹp những đối tượng được thụ hưởng. Để được vay ưu đãi, các doanh nghiệp phải trải qua các thủ tục hết sức rườm rà, phức tạp, yêu cầu có tài sản thế chấp và phí môi giới... là những cản trở khiến các doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn nản lòng. Mặt khác, do nguồn cung tín dụng hạn chế, lãi suất lại thấp hơn đáng kể so với lãi suất vay ngân hàng thương mại, dẫn đến cạnh tranh quyết liệt giữa các doanh nghiệp, xuất hiện tiêu cực, không minh bạch trong môi giới, trong xét tuyển các tiêu chuẩn được vay.

Trong khi các tổ chức tài chính trong nước còn đang bận rộn xây dựng quy chế để hỗ trợ về vốn cho DNNVV thì các tổ chức tài chính nước ngoài đã vào cuộc. Để có thể hỗ trợ các DNNVV tiếp cận nguồn tài chính chính thức, một số dự án hỗ trợ của nước ngoài đã cung ứng nguồn tín dụng cho các DNNVV và các hộ gia đình thông qua hệ thống ngân hàng thương mại. Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) là hai nhà tài trợ hoạt động tích cực trong lĩnh vực này với dự án "Tài trợ cho doanh nghiệp ở vùng nông thôn" của ADB và dự án "Tài trợ cho doanh nghiệp ở vùng nông thôn giai đoạn I, II" của WB. Ngân hàng Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JIBIC) với dự án "Tài trợ cho DNNVV" và Ngân hàng Tái thiết Đức với hai dự án "Tái hòa nhập kinh tế của người hồi hương" và dự án "Chương trình tín dụng và tiết kiệm nông thôn" cũng đã tiến hành cung ứng các khoản vay cho DNNVV cùng với các hỗ trợ kỹ thuật nhằm cải thiện hoạt động cho vay đối với các DNNVV. Quỹ Doanh nghiệp Mê Kông cũng được nhiều tổ chức đồng tài trợ để đầu tư vào các DNNVV thuộc khu vực tư nhân, thông qua Quỹ Hỗ trợ phát triển và một số ngân hàng thương mại, với tổng vốn giải ngân cho giai đoạn 2 (2002-2004) là 290 tỷ đồng.

Có một nghịch cảnh là vốn trong nước hỗ trợ cho DNNVV đã khó và khi có vốn của nước ngoài cung ứng cho các đối tượng doanh nghiệp thì họ lại cũng rất khó tiếp cận được. Chủ yếu là do mức độ tín nhiệm về tài chính và thương hiệu của các DNNVV chưa cao, các ngân hàng có đối tác lại có những yêu cầu rất ngặt nghèo. Do vậy DNNVV không đáp ứng được những yêu cầu nên họ còn ngần ngại trong việc cho vay, nhất là các khoản vay dài hạn. Điều này cũng dễ hiểu bởi hầu hết các DNNVV công nghệ đều lạc hậu, năng lực cạnh tranh thấp không chỉ ở thị trường ngoài nước mà ngay cả thị trường trong nước. Theo đó trình độ quản lý của các chủ DNNVV còn nhiều hạn chế, chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, đa số chủ doanh nghiệp không hoạch định được chiến lược và phương án kinh doanh khả thi để ngân hàng hỗ trợ tín dụng. Trong khi thủ tục vay vốn hiện còn nhiều phiền hà, đòi hỏi nhiều chi phí phức tạp và không minh bạch, khiến cho chi phí vay vốn tăng cao, năng lực thẩm định dự án cho vay của cán bộ tín dụng còn hạn chế đã cản trở các DNNVV vay vốn, khiến cho nhiều dự án giải ngân rất chậm...

Thứ ba, chính sách ưu đãi tín dụng đã tạo nên sự bất bình đẳng trong cạnh tranh giữa các doanh nghiệp. Qua đánh giá của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hiện nay trong số các dự án đã cấp cho vay ưu đãi, chỉ có 23% dự án của các doanh nghiệp nằm trong danh mục được vay ưu đãi, còn lại là các dự án thuộc lĩnh vực, ngành nghề khác. Điều đó chứng tỏ hỗ trợ tín dụng cấp sai đối tượng chiếm một tỷ lệ rất lớn, dẫn đến sự cạnh tranh bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp nhận được tín dụng ưu đãi và các doanh nghiệp không nhận được tín dụng ưu đãi hoạt động cùng ngành hàng. Với mức lãi suất chênh lệch thấp hơn lãi suất thị trường đến 5,16%, nên tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp được ưu đãi sẽ cao hơn nhiều so với các doanh nghiệp khác. Đây không phải là kết quả nỗ lực cạnh tranh trong sản xuất kinh doanh, mà là do doanh nghiệp có được lợi thế từ được cấp tín dụng ưu đãi.

3. Những tháo gỡ ban đầu cho các DNNVV

Từ góc nhìn chính sách, một số chuyên gia kinh tế³ đã cho rằng, chính sách thông dụng nhất giúp các DNNVV tiếp cận tín dụng chính quy gồm: (1) bảo lãnh vay; (2) thành lập những định chế tài chính riêng cho DNNVV; (3) phát triển chứng khoán; và (4) các chính sách khác. Ngoài ra các doanh nghiệp có thể tiếp cận vốn vay thông qua phòng thương mại, các hội kinh doanh và các hiệp hội bảo trợ lẫn nhau. Trong khuôn khổ bài viết này, chỉ xin đề cập đến hai giải pháp lớn về chính sách cần phải làm:

Trên cơ sở thắt chặt đầu tư công, thúc đẩy nhanh chóng thành lập và đưa vào hoạt động Quỹ bảo lãnh tín dụng ở tất cả các địa phương.

Thời gian giữa năm 2008, nhằm kiềm chế lạm phát, Chính phủ thực thi chính sách thắt chặt tín dụng. Với lãi suất huy động 17-18% và trần lãi suất cho vay được khống chế tới 21%, các ngân hàng khó mà có lãi bởi chi phí cho vay có tiết kiệm lắm cũng đã mất 3,2%. Do đó, việc các ngân hàng "biến tướng" bằng các loại phí, đẩy lãi thực mà doanh nghiệp phải trả lên trên 21%, thậm chí tới 25-27% đang là một thực tế. Những tiêu cực như trên phát sinh là do lượng vốn đang quá hiếm khi Nhà nước thắt chặt tín dụng, nhưng lượng tiền vốn đầu tư được chi ra nhiều và lãng phí lại chính là ở đầu tư của Nhà nước, của các doanh nghiệp nhà nước với số tiền hàng nghìn tỷ đồng. Ngày 2-12-2008, Chính phủ đã đưa ra gói kích cầu đầu tư và tiêu dùng trị giá 1 tỷ USD nhằm ngăn chặn đà suy giảm kinh tế. Cụ thể, các dự án kết cấu hạ tầng giao thông quy mô lớn, các dự án đường bộ cao tốc, một số sân bay, cảng biển; các dự án đầu tư khu vực nông nghiệp nông thôn, xây dựng quỹ nhà xã hội cho người nghèo có thu nhập thấp, doanh nghiệp vừa và nhỏ... sẽ được hỗ trợ 4% lãi suất vay vốn ngân hàng thương mại trong thời gian tối đa 8 tháng, kết thúc vào ngày 31-12-2009. Đầu tháng 3-2009, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định bổ sung đối tượng được thực hiện cơ chế hỗ trợ lãi suất là các công ty tài chính. Kết quả sau 2 tháng triển khai

3. Võ Trí Thành, Vũ Viết Ngoạn (2006). Nâng cao khả năng tiếp cận nguồn tài chính chính quy của các DNNVV.

Chương trình hỗ trợ lãi suất của Chính phủ, hơn 202.130 tỷ đồng tiền vốn vay hỗ trợ lãi suất đã đến các đối tượng đang cần vay vốn. Mới đây Chính phủ Việt Nam tiếp tục đưa ra gói kích thích kinh tế thứ hai (Quyết định 443 do Thủ tướng Chính phủ ban hành và có hiệu lực ngày 4-4-2009). Gói kích thích kinh tế này nhằm cung cấp bù lãi suất 4% cho doanh nghiệp, song hướng vào các nguồn vốn trung và dài hạn trong khoảng thời gian tối đa 24 tháng. Việc hỗ trợ lãi suất này được thực hiện từ ngày 1-4-2009 đến hết ngày 31-12-2011. Đối tượng áp dụng vẫn là các ngân hàng thương mại, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, công ty tài chính thực hiện hỗ trợ lãi suất theo quy định của Thủ tướng trước đây. Đây được xem là giải pháp đúng và cần thiết, tuy nhiên giải pháp này đã đưa ra quá chậm và nội dung, lộ trình không rõ ràng đã tạo kẽ hở pháp lý cho các doanh nghiệp đáo nợ đến hạn. Do vậy, kênh mà Nhà nước cần thắt chặt trước hết phải là khu vực đầu tư công, nếu không sẽ khiến cho nhiều DNNVV lâm vào cảnh khó khăn về vốn.

Lý do các quy định trong Nghị định về Quỹ bảo lãnh tín dụng có nhiều sơ xuất, nhiều bất cập mà bây giờ Bộ Tài chính vẫn chưa sửa được, đó là quy định mỗi địa phương bỏ ra 30 tỷ đồng, và ngân hàng cũng đầu tư 30 tỷ đồng... để "môi" cho Quỹ bảo lãnh tín dụng hoạt động, nhưng tất cả đều không có hướng dẫn cụ thể nên từ năm 2001 đến nay việc triển khai vẫn giậm chân tại chỗ.

Như vậy, việc hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn qua kênh Quỹ bảo lãnh tín dụng vào thời điểm này là không khả thi. Tuy nhiên, về lâu dài, cần xúc tiến việc thành lập và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng ở các địa phương. Để giải quyết khó khăn về nguồn vốn hình thành quỹ, Chính phủ và các địa phương nên sử dụng nguồn ngân sách hàng chục nghìn tỷ đồng được cắt giảm từ đầu tư công chuyển cho hệ thống ngân hàng với mục đích duy nhất là cho DNNVV vay, hoặc dùng số tiền đó để hỗ trợ lãi suất cho khu vực này để đảm bảo cho ngân hàng hoạt động vẫn có lãi. Như vậy, khó khăn về vốn của DNNVV không phải là bế tắc.

Rút ngắn khoảng cách giữa ngân hàng với các DNNVV

Tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho DNNVV ở Việt Nam là rất cần thiết để có thể đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ hơn. Vấn đề đặt ra là cần có sự cải thiện về mặt chính sách và pháp lý đối với cả ngân hàng và doanh nghiệp. Các ngân hàng cần đổi mới phương thức kinh doanh, tích cực hơn trong việc tìm kiếm khả năng cho vay, tăng cường đội ngũ cán bộ đi sát cơ sở, xây dựng và tổ chức tốt mạng lưới thông tin doanh nghiệp, bình đẳng hơn trong quan hệ tín dụng giữa các loại hình doanh nghiệp, đổi mới cơ cấu đầu tư và nâng cao tỷ trọng cho vay DNNVV.

Để tháo gỡ vấn đề thế chấp, Hiệp hội DNNVV ngành nghề nông thôn Việt Nam có sáng kiến là: các ngân hàng chấp nhận cho DNNVV vay vốn nếu dự án khả thi với điều kiện doanh nghiệp phải có 50% tài sản thế chấp; 50% còn lại sẽ là vốn của ngân hàng. Trường hợp các doanh nghiệp chưa đủ 50% vốn vay mà dự án có triển vọng thì hiệp hội sẽ "rót" vốn tham gia đầu tư cho đủ yêu cầu để hỗ trợ doanh nghiệp vay được vốn. Định chế tài chính này có thể hỗ trợ giúp các DNNVV dễ dàng vay vốn ngân hàng hơn, trong điều kiện thiếu bất động sản cho thế chấp vay vốn.

Về phía các doanh nghiệp cũng cần phải có nỗ lực hơn nữa để nâng cao năng lực, chủ động trong việc xây dựng dự án, phương thức đầu tư phù hợp với năng lực về vốn, công nghệ và con người. Bên cạnh đó, các tổ chức tài chính cần được tiếp cận với các thông tin chính xác một cách nhanh chóng để ra quyết định cho vay của mình. Vì vậy, một hệ thống đăng ký thống nhất, trực tuyến sẽ tăng cường mạnh mẽ hiệu quả luồng thông tin và tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các bên có liên quan. DNNVV muốn vay vốn thành công cần phải thuyết phục được ngân hàng về mặt hiệu quả của phương án một cách rõ ràng và đầy đủ các yếu tố như: lợi nhuận, chi phí, doanh thu, kế hoạch trả nợ... Các ngân hàng cũng cần hướng dẫn tận tình các doanh nghiệp về cách thức chuẩn bị các giấy tờ cần thiết đi kèm với bộ hồ sơ vay vốn; hồ sơ thực hiện dự án./